**BIÊN SOẠN TÀI LIỆU THỰC HIỆN**

**ĐỀ ÁN “TĂNG CƯƠNG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC**

**PHÁP LUẬT TẠI MỘT SỐ ĐỊA BÀN TRỌNG ĐIỂM**

**VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT GIAI ĐOẠN 2017-2021” NĂM 2021**

**Câu 1. Anh/chị hãy cho biết các hành vi nghiêm cấm được quy định trong công tác phòng, chống ma túy ?**

*Trả lời*

Tại Điều 5, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về các hành vi nghiêm cấm trong công tác phòng, chống ma túy, cụ thể như sau:

1. Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.

2. Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

3. Chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

4. Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, bảo quản chất ma túy, tiền chất trái quy định của pháp luật; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tới quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

6. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

7. Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

8. Trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

10. Hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

11. Kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

12. Các hành vi bị nghiêm cấm khác do luật định liên quan đến ma túy.

**Câu 2. Theo anh/chị, hiện nay pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong công tác phòng, chống ma túy ?**

*Trả lời*

Tại Điều 6, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong công tác phòng , chống ma túy, cụ thể như sau:

1. Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

2. Thực hiện đúng chỉ định của người có thẩm quyền về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

3. Hợp tác với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

4. Cung cấp kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

**Câu 3. Theo anh/chị hiện nay pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với công tác phòng, chống ma túy ?**

*Trả lời*

Tại Điều 7, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy, cụ thể như sau:

1. Tổ chức phòng, chống ma túy trong cơ quan, đơn vị; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy; tuyên truyền, vận động Nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy.

2. Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy tại các vùng xóa bỏ cây có chứa chất ma túy.

**Câu 4. Theo anh/chị hiện nay pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ sở giáo dục đối với công tác phòng, chống ma túy ?**

*Trả lời*

Tại Điều 8, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về trách nhiệm của cơ sở giáo dục đối với công tác phòng, chống ma túy, cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tổ chức xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên sử dụng trái phép chất ma túy.

**Câu 5. Để thực hiện công tác phòng, chống mà túy được hiệu quả, Luật phòng, chống ma túy năm 2021 đã quy định những đơn vị nào là cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy ?**

*Trả lời*

Tại Điều 11, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định những đơn vị nào là cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, cụ thể như sau:

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy bao gồm:

a) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân;

b) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quan.

2. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

3. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Hải quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan, tổ chức khác có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

4. Trên cùng một địa bàn khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan thì cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết.

5. Chính phủ quy định việc phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

**Câu 6. Phần lớn các hoạt động liên quan đến ma túy đều là những hành vi vi phạm pháp luật. Vậy anh/chị hãy cho biết các hoạt động nào được cho là hợp pháp khi liên quan đến ma túy ?**

*Trả lời*

Tại Điều 12, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, cụ thể như sau:

1. Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là hoạt động được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép, bao gồm:

a) Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất chất ma túy (không bao gồm trồng cây có chứa chất ma túy), tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;

b) Vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;

c) Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

2. Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy quy định tại khoản 1 Điều này được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Câu 7. Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 có quy định như thế nào về việc kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất ?**

*Trả lời*

Tại Điều 14, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất, cụ thể như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì được vận chuyển chất ma túy, tiền chất; khi thực hiện việc vận chuyển phải đóng gói, niêm phong theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát trong quá trình vận chuyển và chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chính phủ quy định chi tiết diều này.

**Câu 8. Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 có quy định như thế nào về việc kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 15, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, cụ thể như sau:

Việc kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiên chất dùng làm thuốc thực hiện theo quy định của pháp luật về dược, trừ hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Luật này.

**Câu 9. Để hội nhập hỗ trợ việc kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh. Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 đã đưa ra những quy định như thế nào về vấn đề này ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 20, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cụ thể như sau:

1. Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất dự phòng cho việc sơ cứu, cấp cứu trên tàu thủy, tàu bay, tàu hỏa, ô tô hoặc các phương tiện vận tải khác trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế không bị coi là mang hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm khai báo với cơ quan Hải quan của Việt Nam, giải trình về số lượng thuốc đã sử dụng, áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp để ngăn chặn việc sử dụng không đúng mục đích hoặc vận chuyển trái phép các thuốc đó và chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ và chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

**Câu 10. Trong một đợt càn quét tệ nạn xã hội trên địa bàn quận X thành phố Y, lực lượng chức năng đã bắt được một số dối tượng liên quan đến hành vi buôn bán và sử dụng ma túy. Anh/chị hãy cho biết pháp luật hiện hành quy định như thế nào về việc xét nghiệm chất ma túy đối với những trường hợp này?**

*Trả lời:*

Tại Điều 22, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với một số trường hợp, cụ thể như sau:

1. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

a) Người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý;

d) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tiến hành xét nghiệm chất ma túy theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính thì gửi ngay kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có kết quả xét nghiệm dương tính cư trú, trừ trường hợp người đó đang cai nghiện ma túy bắt buộc.

3. Nhà nước bảo đảm kinh phí xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

**Câu 11. Anh/chị hãy cho biết, hiện nay pháp luật quy định như thế nào đối với việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 23, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

1. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính.

2. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý.

3. Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

a) Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;

c) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xét nghiệm dương tính của người cư trú tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ra quyết định và tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương.

5. Trong thời hạn quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây:

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy;

b) Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng;

d) Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù;

đ) Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Câu 12. Do bị đám bạn rủ rê nên anh H đã thực hiện hành vi sử dụng chất ma túy trái phép và bị bắt. Tại cơ quan điều tra, anh H phải có trách nhiệm như thế nào đối với hành vi nêu trên của mình ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 24, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình cho công an cấp xã nơi cư trú.

2. Chấp hành việc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Câu 13. Anh Đ hiện là công chức của một cơ quan nhà nước. Trong thời gian gần đây do cuộc sống có nhiều áp lực nên anh đã thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép và đã bị bắt. Anh/chị hãy cho biết trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy hiện nay như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 25, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

1. Gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau đây:

a) Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho công an cấp xã nơi người đó cư trú;

c) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

d) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

2. Cơ quan, tổ chức nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống có trách nhiệm sau đây:

a) Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng, trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

**Câu 14. Anh/chị hãy cho biết quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy được pháp luật quy định như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 27, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định đối với việc xác định tình trạng nghiện ma túy, cụ thể như sau:

1. Xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định;

c) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

d) Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

đ) Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy.

2. Công an cấp xã nơi phát hiện người thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này tập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy.

3. Trường hợp công an cấp huyện, công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà phát hiện trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này thì cơ quan công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy.

4. Khi có kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy, cơ sở y tế có trách nhiệm gửi ngay kết quả đến cơ quan đề nghị, người được xác định tình trạng nghiện ma túy.

5. Người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy có quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Được bảo đảm danh dự, nhân phẩm; hỗ trợ đi lại, ăn ở, điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo trong thời gian xác định tình trạng nghiện ma túy;

b) Chấp hành, nội quy, quy chế của cơ sở xác định tình trạng nghiện ma túy; khai báo trung thực với nhân viên y tế về tiền sử sử dụng ma túy, các biểu hiện của việc sử dụng ma túy;

c) Người từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này khi nhận được kết quả xác định là nghiện ma túy có trách nhiệm đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Điều 28 của Luật này hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trong trường hợp nghiện các chất dạng thuốc phiện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

6. Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy; hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy.

7. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy.

8. Nhà nước bảo đảm kinh phí xác định tình trạng nghiện ma túy đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này.

**Câu 15. Hiện nay pháp luật quy định có bao nhiêu biện pháp cai nghiện ma túy ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 28, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về các biện pháp cai nghiện ma túy, cụ thể như sau:

1. Biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

a) Cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

**Câu 16. Anh/chị hãy cho biết quy trình cai nghiện ma túy hiện nay được quy định và thực hiện như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 29, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về quy trình cai nghiện ma túy, cụ thể như sau:

1. Quy trình cai nghiện ma túy bao gồm các giai đoạn sau đây:

a) Tiếp nhận, phân loại;

b) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác;

c) Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách;

d) Lao động trị liệu, học nghề;

đ) Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng.

2. Việc cai nghiện ma túy bắt buộc phải bảo đảm đầy đủ các giai đoạn quy định tại khoản 1 Điều này; việc cai nghiện ma túy tự nguyện phải bảo đảm hoàn thành đủ 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Câu 17. Để đảm bảo việc thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng có hiệu quả, Luật phòng, chống ma túy năm 2021 có những quy định như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 30, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cụ thể như sau:

1. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 29 của Luật này được hỗ trợ kinh phí.

4. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn;

b) Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tiếp nhận đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Hướng dẫn, quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

c) Cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền trên địa bàn cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Tiếp nhận đăng ký và công bố danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

c) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

d) Bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

7. Cơ sở cai nghiện ma túy, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp một hoặc nhiều hoạt động cai nghiện theo quy trình cai nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này được cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và có trách nhiệm sau đây:

a) Tiếp nhận và tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Thực hiện đúng quy trình chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành dịch vụ phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

8. Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thì được đăng ký cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Câu 18. Để đảm bảo việc thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có hiệu quả, Luật phòng, chống ma túy năm 2021 có những quy định như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 31, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy, cụ thể như sau:

1. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 29 của Luật này được hỗ trợ kinh phí.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn;

b) Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định.

Trường hợp người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập mà có hoàn cảnh khó khăn được xét giảm hoặc miễn chi phí phải nộp.

4. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện cho người cai nghiện ma túy.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Câu 19. Việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên được quy định như thế nào trong Luật phòng, chống ma túy năm 2021 ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 32, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

2. Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

3. Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

4. Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện.

**Câu 20. N là học sinh lớp 11 của một trường trung học có tiếng của tỉnh X. Nhóm bạn chơi thân của N toàn là con của những gia đình có điều kiện về kinh tế. Đội bạn của N thường tổ những cuộc ăn, chơi “hoành tráng” vào mỗi dịp cuối tuần. Những cuộc vui đó là cơ hội để N tiếp xúc với ma túy. Ban đầu N nghĩ chỉ thử một vài lần cho vui, nhưng lâu dần thì N bị lệ thuộc vào ma túy. N rất sợ và đã thú nhận với gia đình. Gia đình của N đang bối rối. Anh/chị hãy tư vấn giúp gia đình của N về những quy định cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi?**

*Trả lời:*

Tại Điều 33, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cụ thể như sau:

1. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về cai nghiện ma túy bắt buộc, nội quy, quy chế và chịu sự quản lý, giáo dục, điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tham gia các hoạt động điều trị, chữa bệnh, giáo dục, tư vấn, học văn hóa, học nghề, lao động trị liệu và các hoạt động phục hồi hành vi, nhân cách.

3. Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

4. Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Câu 21. Anh/chị hãy cho biết thủ tục lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được pháp luật hiện hành quy định như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 34, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cụ thể như sau:

1. Việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Trường hợp người nghiện ma túy do công an cấp huyện hoặc công an cấp tỉnh phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó;

c) Hồ sơ đề nghị bao gồm biên bản vi phạm, bản tóm tắt lý lịch, tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó, bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp;

d) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan, người lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan, người lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi ý kiến về việc lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, cơ quan, người đã lập hồ sơ gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định dược nơi cư trú. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan, người đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ, thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Văn bản của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trong nội dung văn bản của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải nêu ý kiến về bảo vệ quyền trẻ em.

5. Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ cai nghiện ma túy áp dụng đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

**Câu 22. Anh/chị biết gì về cơ sở cai nghiện ma túy công lập ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 35, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cụ thể như sau:

1. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập phải bố trí các khu sau đây:

a) Khu lưu trú tạm thời đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Khu cai nghiện ma túy bắt buộc;

c) Khu cai nghiện ma túy tự nguyện;

d) Khu cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

đ) Khu cai nghiện cho người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;

e) Khu cai nghiện cho người có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Trong các khu quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật phòng, chống ma túy 2021 đã quy định phải bố trí khu riêng cho nam giới và khu riêng cho nữ giới. Người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên.

4. Hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập bao gồm:

a) Tiếp nhận và tổ chức thực hiện cai nghiện ma túy cho người nghiện ma túy bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện;

b) Thực hiện việc xác định tình trạng nghiện ma túy;

c) Tiếp nhận, quản lý, giáo dục, tư vấn, điều trị hội chứng cai, điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh khác đối với người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có quyền sau đây:

a) Tiếp nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tự nguyện phù hợp với khả năng tiếp nhận của cơ sở cai nghiện;

b) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy công lập được quyết định áp dụng các biện pháp phù hợp để quản lý, giáo dục, chữa trị cho người cai nghiện ma túy.

6. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy, quy trình cai nghiện ma túy, quản lý người, đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Bảo đảm quyền của người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện và cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy bắt buộc cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

d) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; niêm yết công khai chi phí cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật;

đ) Phòng, chống thẩm lậu ma túy vào cơ sở;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người cai nghiện ma túy tự nguyện được tiếp nhận hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành quy trình cai nghiện ma túy phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện.

7. Chính phủ quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự của cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

**Câu 23. Theo pháp luật hiện hành, anh/chị hãy cho biết điều kiện để thành lập và cách thức hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện** **?**

*Trả lời:*

Tại Điều 36, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cụ thể như sau:

1. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy thành lập. Chính phủ quy định điều kiện và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có quyền sau đây:

a) Tiếp nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tự nguyện phù hợp với khả năng tiếp nhận của cơ sở cai nghiện;

b) Được thu các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy;

c) Được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ quy trình cai nghiện ma túy;

b) Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy;

c) Bảo đảm quyền của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi trong thời gian cai nghiện ma túy;

d) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; niêm yết công khai chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật;

đ) Phòng, chống thẩm lậu ma túy vào cơ sở;

e) Bố trí các khu hoặc phòng riêng khi tiếp nhận các đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, nữ giới; người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người cai nghiện ma túy được tiếp nhận hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành quy trình cai nghiện ma túy phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện.

**Câu 24. Anh/chị hãy cho biết quy trình cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng được thực hiện như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 38, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng, cụ thể như sau:

1. Nhà nước áp dụng biện pháp cai nghiện thích hợp đối với người nghiện ma túy là người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng.

2. Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, trưởng nhà tạm giữ, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, hiệu trưởng trường giáo dưỡng phối hợp chặt chẽ với cơ sở y tế tại địa phương để thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật phòng, chống ma túy 2021.

**Câu 25. Việc áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy cho người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào ?**

*Trả lời:*

Tại Điều 37, Luật phòng, chống ma túy 2021(Luật số 73/2021/QH14) được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 11, đã đưa ra các quy định về Áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy cho người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về Việt Nam do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy khi về nước phải tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy. Trường hợp được xác định là nghiện ma túy thì người đó phải thực hiện các biện pháp cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này.

2. Người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này và phải chi trả toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện. Trường hợp không thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện thì người đó bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Câu 26. Cháu T 16 tuổi, hiện đang cai nghiện ma túy tại Trung tâm cai nghiện số 1 tỉnh Đ. Trước khi chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm, T có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Đ cùng một số đối tượng khác. Hiện nay, tòa án đã ra quyết định xử phạt 03 năm tù đối với T về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Bố mẹ cháu T muốn hỏi, khi đã có quyết xử phạt tù của Tòa án, cháu T có phải tiếp tục chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không?**

*Trả lời*

Điều 39 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo.

Như vậy, trường hợp cháu T đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà có quyết định của Tòa án về xử phạt tù đối với hành vi vi phạm trước đó nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Câu 27. Bà Th cho biết tại khu dân cư nơi mình sinh sống có một số nam thanh niên vừa trở về nơi cư trú sau khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc. Bà Th mong muốn được biết về quy định của pháp luật về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú?**

*Trả lời*

Căn cứ [Điều 40 Luật Phòng, chống ma túy 2021](https://thukyluat.vn/vb/luat-phong-chong-ma-tuy-nam-2021-6cb01.html?hash=dieu_40) (Có hiệu lực từ 01/01/2022) việc quản lts sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú được quy định như sau:

- Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

- Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

- Nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: Lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy; Theo dõi, phát hiện, ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: Hỗ trợ học văn hóa đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; Hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định và tổ chức quản lý, hỗ trợ xã hội sau cai nghiện ma túy.

- Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, chế độ quản lý và chính sách hỗ trợ cho người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

**Câu 28. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy là gì ?**

*Trả lời*

Theo [Điều 41 Luật Phòng, chống ma túy 2021](https://thukyluat.vn/vb/luat-phong-chong-ma-tuy-nam-2021-6cb01.html?hash=dieu_41), biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy là biện pháp làm giảm tác hại liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy bao gồm: điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và các biện pháp khác theo quy định của Chính phủ.

**Câu 29.** **Trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy và cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú được quy định như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ Điều 42 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định thì gia đình người nghiện ma túy và cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm:

a) Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:

- Hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng;

- Phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

b) Cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm:

- Động viên, giúp đỡ người nghiện ma túy;

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

**Câu 30. Hình thức xử phạt và mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực giáo dục được quy định như thế nào?**

*Trả lời*

Theo Điều 3 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (có hiệu lực từ 10/03/2021) quy định thì, hình thức xử phạt trong lĩnh vực giáo dục gồm: hình thức xử phạt chính (Cảnh cáo; Phạt tiền); hình thức xử phạt bổ sung (Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; Trục xuất; Đình chỉ hoạt động có thời hạn).

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giáo dục đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.

**Câu 31. Ông A có hành vi vi phạm về tổ chức tuyển sinh nên đã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định phạt tiền 40.000.000 đồng và buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được. Xin hỏi, hình thức buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển có phải là biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục?**

*Trả lời*

Điều 4 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật.

- Buộc hủy bỏ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học.

- Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học.

- Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh.

- Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được.

- Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học.

- Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại.

- Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt chỉ tiêu.

- Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ.

- Buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ.

- Buộc hủy bỏ bản sao văn bằng, chứng chỉ.

- Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.

- Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy tờ, văn bản đã cấp.

- Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động giáo dục.

- Buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập hoặc bố trí dạy đủ số tiết, khối lượng học tập.

- Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, luận án hoặc tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án theo quy định.

- Buộc đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học.

- Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học.

- Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã chi sai.

- Buộc thực hiện công khai theo quy định.

- Buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người học là người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai.

- Buộc trả lại các khoản chi không đúng quy định từ nguồn vận động tài trợ.

Như vậy buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển là một trong các biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

**Câu 32.** **Vừa qua, trường Đại học KTQD có tổ chức tuyển sinh trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Qua kiểm tra đã xác định trường công bố chỉ tiêu tuyển sinh vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Trường hợp này, trường Đại học KTQD có bị xử phạt hành chính không?**

*Trả lời*

Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/3/2021) quy định phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Công bố chỉ tiêu tuyển sinh vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh;

- Không thực hiện đúng quy trình tuyển sinh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Theo quy định trên, trường hợp xác định sai chỉ tiêu tuyển sinh so với quy định và tuyển sinh vượt chỉ tiêu thì trường Đại học KTQD bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

**Câu 33. Vừa qua, trường Đại học HĐ đã tuyển sinh sai 50 đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh. Theo quy định, hành vi của trường Đại học HĐ sẽ bị xử phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 thì hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ đại học sai đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh theo các mức phạt sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học đến dưới 30 người học;

- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.

Như vậy, hành vi vi phạm về đối tượng tuyển sinh của trường Đại học HĐ sẽ bị phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**Câu 34. Hành vi** **tuyển sinh để đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh thì bị xử phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh thì bị phạt tiền theo các mức sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 03% đến dưới 10%;

- Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.

Ngoài ra, Nghị định còn quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt chỉ tiêu đối với hành vi vi phạm.

**Câu 35. Các cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trường trung cấp và trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên; cơ sở giáo dục đại học không bố trí dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình giáo dục có có bị xử phạt không? Mức phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Khoản 3, khoản 10 Điều 11 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không bố trí dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình giáo dục theo các mức phạt sau:

- Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 05 tiết;

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm từ 05 tiết đến dưới 10 tiết;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc bố trí dạy đủ số tiết, khối lượng học tập đối với hành vi vi phạm.

**Câu 36.** **Tôi muốn hỏi theo quy định mới thì việc tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo khi chưa đủ điều kiện theo quy định phạt bao nhiêu?**

*Trả lời*

Theo Khoản 2a, Khoản 4 [Điều 12 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html)](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html?hash=dieu_12) thì nội dung này được quy định như sau:

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

Tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo khi chưa đủ một trong các điều kiện theo quy định đối với một ngành, chuyên ngành.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm.

**Câu 37. Hành vi tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành thì bị xử phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Theo điểm d khoản 2 Điều 13 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định thì hành vi liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép thực hiện liên kết đào tạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

**Câu 38. Trong kì thi cuối học kì 1 năm vừa qua, trường Tiểu học AM đã xảy ra hiện tượng cố ý sửa bài thi của học sinh từ điểm trung bình thành điểm khá theo nhu cầu, nguyện vọng của phụ huynh. Xin hỏi, trường hợp này, trường AM có bị xử phạt hành chính hay không?**

*Trả lời*

Theo điểm đ khoản 3 và điểm b, c khoản 5 Điều 14 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức chấm thi sai quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm, bảo đảm quyền lợi của thí sinh liên quan đối với hành vi vi phạm.

Như vậy, trường hợp này trường Tiểu học AM sẽ bị phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm, bảo đảm quyền lợi của thí sinh liên quan đối với hành vi vi phạm.

**Câu 39. Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học bị xử phạt hành chính như thế nào?**

*Trả lời*

Theo Điều 15 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html)quy định thì vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng và buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học đối với hành vi vi phạm.

**Câu 40. Chị X hiện đang làm việc trong lĩnh vực giáo dục – dạy nghề. Trong quá trình làm việc, chị X muốn hỏi, theo quy định hiện hành thì hành vi tư vấn, đưa người đi du học đến các cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục đại học chưa được công nhận chất lượng tại nước sở tại thì bị xử lý ra sao?**

*Trả lời*

Tại điểm a khoản 3 Điều 16 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html)quy định thì hành vi tư vấn, đưa người đi du học đến các cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chưa được kiểm định hoặc công nhận chất lượng tại nước sở tại sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tư vấn du học từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm (Khoản 5 Điều 16).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm (điểm c khoản 6 Điều 16).

**Câu 41. Vi phạm quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được quy định như thế nào?**

*Trả lời*

Điều 20 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định chi tiết mức phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài như sau:

**-** Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Không đảm bảo một trong các điều kiện thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài; gian lận để được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. Ngoài ra, những hành vi này còn bị đình chỉ hoạt động liên kết từ 06 tháng đến 12 tháng.

**-** Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài khi đã hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt, quyết định gia hạn liên kết nhưng không được gia hạn. Ngoài ra, hành vi này còn bị đình chỉ hoạt động liên kết từ 06 tháng đến 12 tháng; tịch thu số tiền thu được do thực hiện hành vi vi phạm mà có để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại.

**-** Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cấp chứng chỉ khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. Hành vi này còn bị tịch thu số tiền thu được do thực hiện hành vi vi phạm mà có để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại.

Lưu ý:*Mức phạt tại quy định này áp dụng đối với tổ chức. Riêng cá nhân thì cùng một hành vi vi phạm hành chính, mức phạt tiền bằng ½ mức phạt tiền đối với tổ chức.*

**Câu 42. Tại trường học nơi tôi công tác có trường hợp cô giáo chủ nhiệm X đã dùng thước kẻ đánh vào người học sinh. Xin hỏi, hành vi của cô giáo này bị xử lý hành chính như thế nào?**

*Trả lời*

Điều 28 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định chi tiết mức phạt đối với vi phạm quy định về kỷ luật người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học; vi phạm quy định về chính sách đối với người học, cụ thể như sau:

(1) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học đối với hành vi kỷ luật người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành.

(2) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể (trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người học là người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai) đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

(3) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chính sách đối với người học.

Như vậy, hành vi vi phạm của cô giáo X sẽ bị xử phạt theo mức (1) hoặc (2) nêu trên.

**Câu 43. Do đã sử dụng hết số phôi bằng được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp theo chỉ tiêu tuyển sinh của năm 2021, trường Đại học Đ đã ra quyết định về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học hệ văn bằng thứ hai và gửi Bộ mua thêm 300 phôi bằng để in bằng cử nhân hệ văn bằng thứ hai chính quy. Tuy nhiên, khi gửi văn bản đến Bộ thì bị phát hiện đã làm giả quyết định trúng tuyển. Xin hỏi, trường Đại học Đ bị áp dụng mức phạt bao nhiêu cho hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo?**

*Trả lời*

Điều 21 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định các mức xử phạt đối với vi phạm quy định về cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không ban hành hoặc ban hành quy chế bảo quản, lưu giữ, sử dụng, cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhưng không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành; Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng chống cháy nổ để bảo quản văn bằng, chứng chỉ và hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành; Ban hành quyết định chỉnh sửa, cấp lại văn bằng chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục; về nội dung, thẩm quyền, thời hạn; Không thực hiện cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Riêng đối với hành vi ban hành quyết định chỉnh sửa, cấp lại văn bằng chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục; về nội dung, thẩm quyền, thời hạn, ngoài bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng còn bị buộc hủy bỏ văn bản có nội dung trái pháp luật; hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ được cấp lại không đúng quy định của pháp luật hiện hành về nội dung hoặc thẩm quyền.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Cấp Văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn quy định của pháp luật hiện hành; Thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành; Không cấp hoặc cấp phụ lục văn bằng kèm theo văn bằng giáo dục đại học không đúng quy định của pháp luật hiện hành; Không lập hoặc lập hồ sơ cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ đối với một trong các hành vi sau: Cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành (trừ hành vi cấp Văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn quy định); Gian lận để được cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ.

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý văn bằng, chứng chỉ.

Như vậy, hành vi vi phạm của trường Đại học Đ sẽ bị áp dụng mức phạt quy định tại điểm b khoản 3 và điểm b khoản 5 Điều này, vụ thể là bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ (trong trường hợp đã được cấp).

**Câu 44. Vi phạm quy định về in phôi và quản lý phôi văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định như thế nào?**

Điều 22 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định các mức xử phạt đối với vhạm quy định về in phôi và quản lý phôi văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, an toàn, phòng chống cháy nổ trong việc in, bảo quản phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành; Không lập hoặc lập hồ sơ quản lý việc in, cấp, sử dụng, thu hồi, hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành; Không quy định việc lập số hiệu, các ký hiệu nhận dạng phôi văn bằng, chứng chỉ để phục vụ việc bảo mật, nhận dạng và chống làm giả phôi văn bằng, chứng chỉ; In phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định của pháp luật hiện hành; Thực hiện việc hủy phôi văn bằng chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với hành vi in phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định của pháp luật hiện hành, ngoài phạt tiền như trên, còn bị buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Câu 45. Bà Phạm Thị T, thường trú tại xã C, huyện Cao Nghĩa mượn bằng tốt nghiệp cấp 3 của bà Phạm Thị T, sinh ngày thường trú tại xã K huyện Cao Nghĩa để xin vào làm việc tại công ty của Nhật để hưởng mức lương cao. Xin hỏi, hành vi mượn bằng của bà Phạm Thị T có bị xử phạt không và mức phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi của bà Phạm Thị T là mượn bằng thật của người khác nên hành vi này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 23 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) về vi phạm quy định về sử dụng và công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác;

- Cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình;

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

Như vậy, hành vi mượn để sử dụng bằng của người khác và hành vi cho người khác sử dụng bằng của chính mình của cả hai bà đều bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng mỗi người.

**Câu 46. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo bị xử phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Điều 24 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định các mức xử phạt hành chính về hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo như sau:

- Phạt tiền đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo các mức phạt sau:

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm ở trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;

+ Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đúng quy định về trình độ chuyên môn hoặc trình độ ngoại ngữ trong giảng dạy chương trình giáo dục, chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài hoặc giảng dạy chương trình tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; trong thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài.

**Câu 47. Trường đại học không bảo đảm tỷ lệ giảng viên cơ hữu có bị xử phạt không? Mức xử phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Tại Điều 25 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trên tổng số giáo viên, giảng viên trong cơ sở giáo dục theo các mức phạt sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập được giao quyền tự chủ về tổ chức và cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm ở trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

**Câu 48. Cô Hạnh là giáo viên trường mầm non được hơn 5 năm. Năm học này, cô đứng lớp khối 3 tuổi. Do các con đang trong độ tuổi bắt đầu đến lớp nên không tránh khỏi có những bé chưa kịp thích nghi với môi trường lớp học. Trong đó có trường hợp của bé C.A. Tuy nhiên, thay vì phối hợp cùng các cô giáo để rèn luyện giúp con thì phụ huynh của bé liên tục có những lời lẽ khó nghe, xúc phạm đến các cô, thậm chí còn đăng cả lên mạng xã hội nói không đúng về các cô. Xin hỏi trường hợp phụ huynh học sinh xúc phạm danh dự, nhân phẩm của giáo viên thì bị xử phạt như thế nào?**

*Trả lời*

Nếu người phụ huynh này có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn nghiêm trọng thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự tội làm nhục người khác.

Nếu không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều 26, [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html), cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong cơ sở giáo dục nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Ngoài ra, người có hành vi vi phạm còn phải bị buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể đối với hành vi vi phạm, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể có yêu cầu không xin lỗi công khai.

**Câu 49. Mức phạt đối với hành vi xảy ra việc sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định như thế nào?**

*Trả lời*

Tại Điều 27 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html) quy định các mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Để xảy ra việc sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học; Lập hồ sơ quản lý người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành; Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản hồ sơ của người học.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thu, giữ hồ sơ, giấy tờ của người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi để xảy ra việc sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học;

+ Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học đối với hành vi thu, giữ hồ sơ, giấy tờ của người học không đúng quy định.

Như vậy, hành vi xảy ra việc sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi.

**Câu 50. Theo quy định hiện hành thì hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học, cản trở đi học đối với người học các cấp học phổ cập bị xử lý thế nào?**

*Trả lời*

Nội dung này được quy định tại Điều 29 [Nghị định số 04/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-04-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-giao-duc-6e004.html), theo đó, hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học, cản trở đi học đối với người học các cấp học phổ cập sẽ bị:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập.

**Câu 51. Xin hay cho biết hành vi vi phạm quy định về phổ cập giáo dục bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Theo quy định tại Điều 29Nghị định số 04/2021/NĐ-CP hành vi vi phạm quy định về phổ cập giáo dục bị xử phạt hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập.

**Câu 52. Tôi là viên chức hiện đang công tác tại một trường phổ thông. Gần đây trường của tôi đang thực hiện vận đồng tài trợ để tổ chức một sự kiện giáo dục. Qua nghiên cứu tôi biết pháp luật có quy định về việc tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên tôi chưa nắm rõ lắm viêc các hành vi vi phạm quy định về vận đồng tài trợ trong cơ sở giáo dục, đặc biệt là các mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm này. Tôi muốn biết pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

*Trả lời*

Tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 04/2021/NĐ-CPquy định phạt tiền đối với hành vi vi phạm về vận động tài trợ trong cơ sở giáo dục theo các mức phạt sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quy trình vận động, tiếp nhận tài trợ;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài trợ.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 04/2021/NĐ-CPđã xác định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi trên là buộc trả lại các khoản chi không đúng quy định từ nguồn vận động tài trợ.

**Câu 53. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng hoặc bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học** **bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Điều 33 Nghị định số 04/2021/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng hoặc bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học theo các quy định pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của trường, lớp học.

2. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 50% đến 100% định mức quy định hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt từ 50% đến 90% định mức quy định;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 100% định mức quy định trở lên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt dưới 50% định mức quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

**Câu 54. Trong một lần cùng mẹ xem phim trên truyền hình T thấy trong nội dung phim có nội dung tiết lộ bí mật đời tư của người khác. T muốn biết pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào? Mức xử phạt cho hành vi trên được quy định như thế nào?**

*Trả lời*

Tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định hành vi vi phạm quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim;

- Sản xuất phim có nội dung tiết lộ bí mật đời tư của người khác mà theo quy định của pháp luật phải được sự đồng ý của người đó nhưng không được sự đồng ý của người đó.

Như vậy chiếu theo quy định trên, trường hợp sản xuất phim có nội dung tiết lộ bí mật đời tư của người khác mà theo quy định của pháp luật phải được sự đồng ý của người đó nhưng không được sự đồng ý của người đó sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đồng thời còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân và buộc tiêu hủy phim đối với đối với hành vi trên.

**Câu 55. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về phát hành phim bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Điều 7 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định hành vi vi phạm quy định về phát hành phim bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán, cho thuê phim thuộc diện lưu hành nội bộ;

b) Tẩy xóa, sửa đổi nhãn kiểm soát dán trên băng, đĩa phim.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê băng, đĩa phim không dán nhãn kiểm soát hoặc dán nhãn kiểm soát không đúng phim đã được cấp giấy phép phổ biến.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo nội dung phim đã được dán nhãn kiểm soát.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi phát hành phim khi chưa được phép phổ biến, trừ trường hợp phim nhập khẩu.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi phát hành phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm phổ biến hoặc tiêu hủy.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy băng, đĩa hoặc những vật liệu chứa nội dung phim đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

**Câu 56. Trong một lần cùng bạn đi xem phim tại rạp chiếu phim, R thấy rạp chiếu phim không bảo đảm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim trong quá trình hoạt động. R muốn biết hành vi này theo quy định của pháp luật bị xử phạt hành chính như thế nào?**

*Trả lời*

Tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Phổ biến phim được lưu trữ trên băng, đĩa mà không có nhãn kiểm soát;

- Phổ biến phim không đúng nội dung quy định trong giấy phép phổ biến phim hoặc quyết định phát sóng;

- Không bảo đảm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim trong quá trình hoạt động.

Như vậy, chiếu theo quy định trên, rạp chiếu phim không bảo đảm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim trong quá trình hoạt động sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000. Đồng thời buộc phải đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim theo quy định đối với hành vi vi phạm trên.

**Câu 57. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về lưu chiểu, lưu trữ, nhân bản, tàng trữ phim bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại Điều 9 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về lưu chiểu, lưu trữ, nhân bản, tàng trữ phim bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở lưu trữ phim có một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm an toàn phim, vật liệu gốc của phim và không bảo quản theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật về lưu trữ phim;

b) Không cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu cho cơ sở sản xuất phim có phim lưu trữ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiểu, lưu trữ phim không đủ số lượng hoặc không đúng chủng loại theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiểu, lưu trữ phim theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản phim chưa được phép phổ biến.

5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy hoặc cấm phổ biến;

b) Tàng trữ trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy hoặc cấm phổ biến.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy băng, đĩa hoặc những vật liệu chứa nội dung phim đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Buộc tháo gỡ văn hóa phẩm có nội dung độc hại dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

**Câu 58. Cứ đến rằm tháng 2 là làng Q lại tổ chức lễ hội, đây cũng là dịp để mọi người được hòa mình vào những nghi lễ đậm đà bản sắc văn hóa của quê hương cũng như được thưởng thức các món ngon, các trò chơi dân gian. Tuy nhiên trong 1 lần tham gia Q thấy một đám bạn mặc trang phục không lịch sự, không phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam tham gia lễ hội truyền thống. Q muốn biết hành vi này bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Thấp hương hoặc đốt vàng mã không đúng nơi quy định;

- Nói tục, chửi thề, xúc phạm tâm linh gây ảnh hưởng đến không khí trang nghiêm của lễ hội;

- Mặc trang phục không lịch sự hoặc không phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam.

Như vậy, chiếu theo quy định trên đám bạn mặc trang phục không lịch sự, không phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam tham gia lễ hội truyền thống sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng theo quy định của pháp luật.

**Câu 59. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường bị áp dụng mức xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại Điều 15 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không mặc trang phục hoặc không đeo biển tên do người sử dụng lao động cung cấp.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp trang phục hoặc không cung cấp biển tên cho người lao động.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không nộp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, khi có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ vũ trường cho người chưa đủ 18 tuổi;

b) Kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài khoảng thời gian từ 8 giờ đến 24 giờ mỗi ngày;

c) Sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường không bảo đảm diện tích theo quy định;

b) Đặt chốt cửa bên trong phòng hát karaoke, phòng vũ trường;

c) Đặt thiết bị báo động, trừ các thiết bị báo cháy nổ tại địa điểm kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

d) Không bảo đảm hình ảnh phù hợp với lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) hoặc với văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam trong phòng hát karaoke;

đ) Không điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trong trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc thay đổi chủ sở hữu;

e) Kinh doanh dịch vụ vũ trường trong khoảng thời gian từ 02 giờ đến 8 giờ mỗi ngày;

g) Kinh doanh dịch vụ vũ trường ở địa điểm cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa dưới 200 mét.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ karaoke không có giấy phép theo quy định;

b) Sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh;

c) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke để kinh doanh.

8. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ vũ trường không có giấy phép theo quy định;

b) Sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh;

c) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường để kinh doanh.

9. Hình thức xử phạt bổ sung;

a) Tước quyền sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 7 và điểm c khoản 8 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này trong trường hợp đã được cấp;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 5, điểm e khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này.

**Câu 60. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Điều 16 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng như sau:

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Treo, trưng bày tranh, ảnh, lịch hay đồ vật khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; kích động bạo lực tại cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát hoặc nơi hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác;

b) Tổ chức các hình thức vui chơi giải trí ngoài khoảng thời gian từ 8 giờ đến 24 giờ mỗi ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm đ và điểm e khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 5 và điểm e khoản 6 Điều 15; khoản 2 Điều 31 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bán hoặc phổ biến tranh, ảnh, văn hóa phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; kích động bạo lực; truyền bá tệ nạn xã hội; không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam hoặc có nội dung đã có quyết định đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi dùng các phương thức phục vụ có tính chất khiêu dâm tại cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát hoặc nơi hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi bao che cho các hoạt động có tính chất khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy, nhảy múa thoát y tại cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát hoặc nơi tổ chức hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác.

5. Phạt tiền lừ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho khách nhảy múa thoát y hoặc tổ chức hoạt động khác mang tính chất đồi trụy tại cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát hoặc nơi tổ chức hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Câu 61. Hành vi sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng không đúng nội dung ghi trong giấy phép bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Tổ chức triển lãm mỹ thuật, trại sáng tác điêu khắc không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

- Không làm lại thủ tục xin cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật theo quy định;

- Sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng không đúng nội dung ghi trong giấy phép.

Ngoài bị phạt tiền, hành vi sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng không đúng nội dung ghi trong giấy phép còn bị tịch thu tang vật vi phạm; buộc tháo dỡ phần tượng đài, tranh hoành tráng không đúng nội dung ghi trong giấy phép đối với hành vi và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh.

**Câu 62. Xin hãy cho biết hành vi sửa chữa, ghép tác phẩm nhiếp ảnh làm sai lệch nội dung của hình ảnh nhằm mục đích xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, lãnh tụ, danh nhân văn hóa bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau: Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam có nội dung kích động bạo lực; khiêu dâm, đồi trụy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sửa chữa, ghép tác phẩm nhiếp ảnh làm sai lệch nội dung của hình ảnh nhằm mục đích xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, lãnh tụ, danh nhân văn hóa;

c) Mua, bán, sử dụng, phổ biến tác phẩm nhiếp ảnh vi phạm pháp luật hoặc đã có quyết định đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tiêu hủy văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

**Câu 63. Xin hãy cho biết hành vi triển lãm tác phẩm, hiện vật, tài liệu có nội dung vi phạm quy định về nếp sống văn minh, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Đưa tác phẩm, hiện vật, tài liệu ra nước ngoài triển lãm mà không có giấy phép theo quy định;

- Triển lãm tác phẩm, hiện vật, tài liệu có nội dung vi phạm quy định về nếp sống văn minh, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái;

- Triển lãm tác phẩm, hiện vật, tài liệu có nội dung tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Ngoài ra, hành vi vi phạm trên còn bị buộc tiêu hủy văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm trên.

**Câu 64. Kỳ nghỉ hè vừa qua, A cùng nhóm bạn thân tổ chức đi thăm quan 1 khu di tích lịch sử ở 1 tỉnh gần biên giới. Trong quá trình tham quan, A và các bạn được hướng dẫn viên phát cho 1 tờ giới thiệu về khu di tích. Tuy nhiên khi đọc tờ giới thiệu A thấy nội dung giới thiệu có nội dung sai lệch với những thông tin mà A từng tìm hiểu. A muốn biết việc giới thiệu sai lệch nội dung, giá trị di tích lịch sử - văn hóa sẽ bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Khoản 2 Điều 20Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyên truyền, giới thiệu sai lệch nội dung, giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Như vậy, đối chiếu với quy định, hành vi vi phạm trên sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và bị buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm.

**Câu 65. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh giám định cổ vật bị xử phạt hành chính như thế nào theo quy định của pháp luật?**

*Trả lời*

Tại Điều 21 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh giám định cổ vật như sau:

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký theo quy định;

b) Không bảo đảm số lượng tối thiểu chuyên gia giám định cổ vật về chuyên ngành trong quá trình hoạt động kinh doanh giám định cổ vật theo quy định.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh giám định cổ vật mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật theo quy định;

b) Cho cơ sở kinh doanh khác sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật;

c) Sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật của cơ sở khác.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã được cấp, cấp lại;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

**Câu 66. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về khai quật khảo cổ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lắm thắng cảnh sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi vi phạm quy định về khai quật khảo cổ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh sẽ bị xử lý theo Điều 24 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Thăm dò, khai quật khảo cổ không đúng nội dung ghi trong giấy phép; Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh không đúng nội dung quy hoạch, dự án và thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Thăm dò, khai quật khảo cổ không có giấy phép; Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh mà không có văn bản đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đào bới, trục vớt trái phép tại các địa điểm khảo cổ.

Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị tịch thu tang vật vi phạm có được do thực hiện hành vi thăm dò, khai quật khảo cổ không đúng nội dung ghi trong giấy phép; thăm dò, khai quật khảo cổ không có giấy phép; hành vi đào bới, trục vớt trái phép tại các địa điểm khảo cổ. Đồng thời, chủ thể vi phạm còn bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi thăm dò, khai quật khảo cổ không đúng nội dung ghi trong giấy phép; thăm dò, khai quật khảo cổ không có giấy phép và hành vi đào bới trái phép tại các địa điểm khảo cổ.

**Câu 67. Ông A dự định thành lập một thư viên để phục vụ nhu cầu đọc sách báo của người dân tại xã X. Sau khi thành lập, trong quá trình hoạt động, thư viện của ông A không thực hiện công bố công khai nội quy hay hướng dẫn sử dụng thư viện. Thay vào đó, người nào có nhu cầu sẽ được ông A cho mượn đọc tùy theo ý thích cá nhân của ông. Vậy trong trường hợp này, thư viện của ông A có vi phạm quy định pháp luật? Trường hợp có vi phạm thì hành vi này bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Trong trường hợp này, thư viện của ông A được xác định là thư viên tư nhân có phục vụ cộng đồng. Như vậy, căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì hành vi không công bố nội quy, hướng dẫn sử dụng thư viện của ông A được xác định là hành vi vi phạm pháp luật. Theo đó, mức xử phạt cho hành vi này của ông A là bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

**Câu 68. Anh C là người làm công tác thư viện tại thư viện của xã Y. Trong quá trình công tác, anh C bị nhiều người dân phản ánh có hành vi trái với quy tắc ứng xử nghề nghiệp thư viện như thường xuyên ưu tiên người nhà, người quen khi mượn sách thư viện... Vậy trong trường hợp này, những hành vi này của anh C sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Những hành vi trái với quy tắc ứng xử nghề nghiệp thư viện như thường xuyên ưu tiên người nhà, người quen khi mượn sách thư viện của anh C sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP. Theo đó, anh C sẽ bị cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi này.

**Câu 69.** **Theo quy định của pháp luật, những hành vi vi phạm quy định cấm trong hoạt động thư viện sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Các hành vi vi phạm quy định cấm trong hoạt động thư viện sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Đánh tráo tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt;

 + Chiếm dụng tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt;

 + Cung cấp trái quy định thông tin về người sử dụng dịch vụ thư viện.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Hạn chế quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên thông tin của người sử dụng thư viện trái với quy định của pháp luật;

 + Làm hư hỏng tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi hủy hoại tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt.

- Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phá hoại hệ thống thông tin thư viện, cơ sở dữ liệu thư viện.

- Đình chỉ hoạt động của thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi lợi dụng hoạt động thư viện để kích động bạo lực; phá hoại thuần phong mỹ tục; lôi kéo người sử dụng thư viện vào tệ nạn xã hội.

Ngoài các hình thức xử phạt nêu trên, chủ thể vi phạm còn bị buộc trả lại tài nguyên thông tin đã đánh tráo hoặc chiếm dụng khi thực hiện hành vi đánh tráo tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt; hoặc chiếm dụng tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt;

Đối với hành vi làm hư hỏng tài nguyên thông tin, trừ tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt; và hành vi phá hoại hệ thống thông tin thư viện, cơ sở dữ liệu thư viện, chủ thể thực hiện còn bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

**Câu 70. Trong khi làm vườn, ông C phát hiện ra một chiếc bình cổ. Sau khi mang cho người quen giám định, ông C được biết chiếc bình này là cổ vật có từ thời nhà Lý và rất có giá trị. Do lòng tham, ông C có ý định giấu chiếc bình này và không thông báo, giao nộp chiếc bình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi này của ông C sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ theo Điều 25 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, trường hợp ông C phát hiện ra chiếc bình cổ vật nhưng không thông báo, giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền thì sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Bên cạnh đó, chiếc bình ông C phát hiện sẽ bị cơ quan nhà nước tịch thu.

**Câu 71. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về hoạt động trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi vi phạm quy định về hoạt động trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet sẽ bị xử lý theo Điều 31 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet ở địa điểm cách trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông dưới 200 mét.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet ngoài khoảng thời gian từ 8 giờ đến 22 giờ mỗi ngày.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có tem, nhãn kiểm soát, lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền dán trên máy trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet theo quy định.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet có nội dung khiêu dâm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; kích động bạo lực.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Tổ chức trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet có nội dung đồi trụy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

 + Bán, cho thuê băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, đồi trụy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; kích động bạo lực.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; kích động bạo lực.

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung đồi trụy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; làm phương hại đến chủ quyền quốc gia.

Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm còn phải chịu các hình thức xử phạt bổ sung, cụ thể như sau:

- Tịch thu máy trò chơi đối với hành vi tổ chức trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

- Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

Chủ thể vi phạm còn bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể như sau:

- Buộc dán tem, nhãn kiểm soát, lưu hành trên máy trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet đối với hành vi không có tem, nhãn kiểm soát, lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền dán trên máy trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet;

- Buộc tiêu hủy văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi tổ chức trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet có nội dung khiêu dâm, đồi trụy; Bán, cho thuê băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, đồi trụy; sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 72. Sau khi nghỉ hưu, do có nhiều thời gian rảnh rỗi nên ông C và vợ là bà D thường hay tham gia các hoạt động văn hóa như đi thăm các viện bảo tàng, danh lam thắng cảnh... Ông C được biết Nhà nước có rất nhiều chính sách ưu đãi cho người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên). Tuy nhiên, một số địa điểm du lịch, bảo tàng lại không thực hiện giảm giá vé cho ông C và bà D vào thăm quan. Vậy, trong trường hợp này việc không thực hiện miễn giảm giá vé có vi phạm pháp luật? Nếu có thì bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Điều 16 Luật Người cao tuổi năm 2009 đã quy định người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên) được giảm giá vé, giá dịch vụ khi sử dụng một số dịch vụ bao gồm: tham gia giao thông bằng tàu thủy chở khách, tàu hỏa chở khách, máy bay chở khách; thăm quan di tích văn hóa, lịch sử, bảo tàng, danh lam thắng cảnh; tập luyện thể dục, thể thao tại các cơ sở thể dục thể thao có bán vé hoặc thu phí dịch vụ.

Căn cứ theo quy định này, việc người thu vé thăm quan các địa điểm du lịch, bảo tàng không thực hiện giảm giá vé cho ông C và bà Đ là hành vi vi phạm pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, hành vi này sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi không giảm giá vé.

**Câu 73. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ theo Điều 33 Nghị định 38/2021/NĐ-CP thì hành vi vi phạm quy định về quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo sẽ bị xử lý như sauL

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo thuốc lá;

 + Quảng cáo rượu có nồng độ cồn từ 15 độ trở lên;

 + Quảng cáo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi; thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 06 tháng tuổi; bình bú và vú ngậm nhân tạo;

 + Quảng cáo thuốc kê đơn; thuốc không kê đơn nhưng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khuyến cáo hạn chế sử dụng hoặc sử dụng có sự giám sát của thầy thuốc; thuốc không còn thời hạn đăng ký lưu hành;

 + Quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo khác.

- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định;

 + Quảng cáo các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích dục;

 + Quảng cáo súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao và các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích động bạo lực.

Chủ thể vi phạm bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm báo, tạp chí in có quảng cáo.

**Câu 74. Anh A là chủ một công ty sản xuất dầu gội đầu. Để thúc đẩy việc kinh doanh của công ty, anh A đang chạy chương trình quảng cáo trên sóng truyền hình với thông điệp “Sản phẩm dầu gội đầu duy nhất trên thị trường sử dụng 100% thảo mộc thiên nhiên” để thu hút người tiêu dùng thích sản phẩm từ thiên nhiên. Trong trường hợp này, hoạt động quảng cáo của công ty anh A có vi phạm pháp luật? Nếu có thì hành vi này sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, việc chương trình quảng cáo của công ty anh A sử dụng thông điệp “Sản phẩm dầy gội duy nhất trên thị trường sử dụng 100% thảo mộc thiên nhiên” đã có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Trường hợp công ty anh A không có tài liệu hợp pháp để chứng minh sản phẩm của công ty anh là duy nhất trên thị trường thì theo quy định, công ty anh A sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đồng thời, công ty anh A sẽ bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa đoạn quảng cáo đang chạy trên truyền hình.

**Câu 75. Theo quy định của pháp luật, những hành vi nào được coi là hành vi vi phạm các quy định về tiếng nói, chữ viết trong quảng cáo? Những hành vi này sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ theo Điều 35 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì các hành vi được coi là vi phạm các quy định về tiếng nói, chữ viết trong quảng cáo bao gồm:

- Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà không thể hiện bằng tiếng Việt, trừ những trường hợp nhãn hiệu hàng hóa, khẩu hiệu, thương hiệu, tên riêng bằng tiếng nước ngoài; các từ ngữ đã được quốc tế hóa không thể thay thế bằng tiếng Việt; sách, báo, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm được phép xuất bản bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài; chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài;

- Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà thể hiện khổ chữ nước ngoài vượt quá ba phần tư khổ chữ tiếng Việt và không đặt bên dưới chữ tiếng Việt trong trường hợp trên cùng một sản phẩm quảng cáo có sử dụng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 48 Nghị định này;

- Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà không đọc tiếng Việt trước tiếng nước ngoài trong trường hợp trên cùng một sản phẩm quảng cáo có sử dụng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài khi phát trên đài phát thanh, truyền hình hoặc trên các phương tiện nghe nhìn.

Đối với những hành vi vi phạm nêu trên, chủ thể vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; đồng thời bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa hoặc thu hồi sản phẩm báo, tạp chí in quảng cáo vi phạm.

**Câu 76. Theo quy định của pháp luật, những hành vi nào được coi là vi phạm điều kiện quảng cáo và mức xử phạt nào được áp dụng đối với những hành vi này?**

*Trả lời*

Căn cứ theo khoản 1 Điều 36 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì các hành vi vi phạm quy định về điều kiện quảng cáo, bao gồm:

- Không có các tài liệu chứng minh về sự hợp chuẩn, hợp quy theo quy định khi quảng cáo các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Không có giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng theo quy định khi quảng cáo tài sản.

Khi thực hiện một trong những hành vi này, chủ thể vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; đồng thời bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm báo, tạp chí in quảng cáo vi phạm.

**Câu 77. Anh A là người rất thích đọc các tin bài trên các báo điện tử. Gần đây, anh A nhận thấy khi anh truy cập vào đọc tin ở một số trang thông tin điện tử thường xuyên xuất hiện nhiều đoạn quảng cáo bắt buộc anh xem hết mới được quyền tắt. Việc anh không thể chủ động tắt các quảng cáo xuất hiện khiến anh rất khó chịu. Vậy, theo quy định của pháp luật, hành vi quảng cáo này có vi phạm pháp luật? Nếu có thì hành vi này sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì việc anh A không thể chủ động tắt quảng cáo trên các trang thông tin điện tử là dấu hiệu của hành vi vi phạm. Theo đó, hiện tượng này có thể được coi là hành vi không thiết kế để độc giả có thể chủ động tắt hoặc mở quảng cáo không ở vùng cố định. Đối với hành vi này, chủ thể vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; đồng thời bị buộc tháo gỡ quảng cáo vi phạm.

**Câu 78. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo trên báo in sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ theo Điều 39 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo trên báo in sẽ bị xử lý như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Ra phụ trương quảng cáo mà không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

 + Phụ trương quảng cáo không đánh số riêng; không cùng khuôn khổ với trang báo chính; không phát hành cùng trang báo chính;

 + Quảng cáo trên bản tin.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trên bìa một của tạp chí, trang nhất của báo.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo quá diện tích theo quy định trên một ấn phẩm báo, tạp chí, trừ báo, tạp chí chuyên quảng cáo;

 + Không có dấu hiệu phân biệt quảng cáo với các nội dung khác;

 + Không thể hiện tên tờ báo; tên, địa chỉ của cơ quan báo chí; dòng chữ “Phụ trương quảng cáo không tính vào giá bán'’ trên trang một của phụ trương quảng cáo.

**Câu 79. Đài truyền hình tỉnh X vừa nhận được đề nghị của anh muốn chạy quảng cáo cho sản phẩm kem đánh răng của mình trên đài truyền hình. Anh A muốn quảng cáo của mình được nhiều người xem nên anh A muốn quảng cáo trong các chương trình thời sự, hoặc chương trình phim truyện, vui chơi, giải trí của đài truyền hình X. Để tránh vi phạm pháp luật quảng cáo, Đài truyền hình X muốn biết việc quảng cáo sản phẩm của anh A trong chương trình thời sự, phim truyện, vui chơi, giải trí có được phép hay không? Và việc quảng cáo này có hạn chế số lần tối đa được thực hiện hay không?**

*Trả lời*

Căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 40 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, việc quảng cáo trong chương trình thời sự là vi phạm pháp luật. Trường hợp Đài truyền hình X vẫn thực hiện quảng cáo cho anh A trong chương trình thời sự của Đài thì Đài truyền hình sẽ bị phạt tiền từ 50.000.000 đến 100.000.000 đồng.

Anh A được phép quảng cáo trong các chương trình phim truyện, vui chơi hoặc giải trí của Đài truyền hình X. Tuy nhiên, pháp luật có quy định về số lần tối đa được phép chạy trong mỗi chương trình, cụ thể:

- Không quá hai lần trong mỗi chương trình phim truyện trên đài truyền hình.

- Không quá bốn lần trong mỗi chương trình vui chơi, giải trí trên đài phát thanh, đài truyền hình.

Trường hợp vi phạm về số lần tối đa, Đài truyền hình sẽ bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi pham.

Bên cạnh bị phạt tiền, Đài truyền hình X còn phải nộp lại số tiền thu từ phía anh A khi thực hiện các hành vi trên.

**Câu 80. Theo quy định của pháp luật, những hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trên sản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử nào sẽ bị xử phạt tiền đến 15.000.000 đồng?**

*Trả lời*

Căn cứ theo khoản 3, 4 Điều 41 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì khi thực hiện một trong những hành vi sau, chủ thể vi phạm có thể bị phạt tiền đến 15.000.000 đồng:

- Quảng cáo lẫn vào nội dung hoặc làm gián đoạn nội dung của từng tên xuất bản phẩm điện tử.

- Quảng cáo trên một trong các bìa hai, ba và bốn của từng tên xuất bản phẩm dạng sách và tài liệu không kinh doanh dạng sách, trừ trường hợp quảng cáo về tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản, đối tác liên kết trong hoạt động xuất bản trên bìa bốn của sách và sách chuyên quảng cáo.

- Quảng cáo trên bìa một hoặc trang nội dung của từng tên xuất bản phẩm dạng sách và tài liệu không kinh doanh dạng sách, trừ sách chuyên quảng cáo.

- Quảng cáo tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản hoặc biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và hoạt động trên tài liệu không kinh doanh mà không phải của tổ chức, cá nhân xuất bản tài liệu đó.

- Quảng cáo trên các sản phẩm in là bản đồ hành chính, giấy tờ có giá, văn bằng chứng chỉ và văn bản quản lý nhà nước. Đối với hành vi này, chủ thể vi phạm còn bị buộc tiêu hủy tang vật vi phạm.

**Câu 81. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, màn hình chuyên quảng cáo sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, màn hình chuyên quảng cáo sẽ bị xử lý theo Điều 42 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Treo, dựng, đặt, gắn mỗi bảng quảng cáo, băng-rôn, màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời không đúng vị trí đã quy hoạch hoặc vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

 + Không ghi rõ tên, địa chỉ của người thực hiện quảng cáo trên mỗi bảng quảng cáo, băng-rôn.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo vượt diện tích quy định của bảng quảng cáo, băng-rôn tại vị trí đã quy hoạch hoặc vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

 + Không tự tháo dỡ băng-rôn đã hết hạn ghi trong thông báo; không tự tháo dỡ bảng quảng cáo, băng-rôn rách, nát, mất mỹ quan.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Đặt biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo không đúng vị trí quy định trên bảng quảng cáo, băng-rôn có nội dung tuyên truyền, cổ động chính trị, chính trị - xã hội;

 + Thể hiện lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa vượt quá diện tích theo quy định trên bảng quảng cáo, băng-rôn có nội dung tuyên truyền, cổ động chính trị, chính trị - xã hội;

 + Quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn không tuân theo quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia; che khuất đèn tín hiệu giao thông; chăng ngang qua đường giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng;

 + Sửa đổi làm sai lệch nội dung quảng cáo đã thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

 + Thông báo không đúng về nội dung quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi thực hiện quảng cáo.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quảng cáo sau đây:

 + Sử dụng âm thanh trên màn hình chuyên quảng cáo đặt ngoài trời;

 + Không thông báo về nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn.

Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc bổ sung tên, địa chỉ của người thực hiện quảng cáo trên mỗi bảng quảng cáo, băng-rôn không ghi rõ tên, địa chỉ của người thực hiện quảng cáo; bị buộc tháo dỡ quảng cáo đối với các quảng cáo, bằng-rôn, màn hình chuyên quảng cáo vi phạm nêu trên trừ đối với quảng cáo, băng-rôn không ghi rõ tên, địa chỉ của người thực hiện quảng cáo.

**Câu 82.** **Theo quy định của pháp luật, bên cạnh người thực hiện hành vi vi phạm quy định về quảng cáo làm ảnh hưởng mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội và trên phương tiện giao thông thì chủ của sản phẩm được quảng cáo vi phạm có bị xử lý hay không?**

*Trả lời*

Căn cứ khoản 3 Điều 43 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì bên cạnh chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, người có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo trên tờ rơi làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội cũng sẽ bị xử phạt. Theo đó, mức xử phạt là từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

**Câu 83.** **Anh A là người chuyên thu mua đồng nát sắt vụn tại khu vực nội thành. Thông thường để tìm người bán, anh A thường thu sẵn lời rao, quảng cáo việc thu mua sắt vụn và phát lên chiếc loa phóng thanh được anh gắn vào chiếc xe máy của mình, rồi đi vòng quanh các khu phố trong khu vực nội thành. Vậy theo quy định của pháp luật, hành vi này của anh A có vi phạm pháp luật hay không? Nếu có mức xử phạt cho hành vi này được quy định như thế nào?**

*Trả lời*

Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP xác định hành vi quảng cáo bằng loa phóng thanh và các hình thức tương tự khác gắn trên phương tiện giao thông và các phương tiện di động tại nội thành, nội thị của các thành phố, thị xã là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Như vậy, đối chiếu với trường hợp anh A, thì hành vi dùng chiếc loa phóng thanh ghi sẵn lời quảng cáo gắn vào chiếc xe máy đi trong khu vực nội thành của anh A là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị áp dụng mức xử phạt quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP.

**Câu 84. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trong chương trình, hoạt động văn hóa, thể thao nào sẽ bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng?**

*Trả lời*

Căn cứ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, những hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trong chương trình, hoạt động văn hóa, thể thao sau sẽ bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng:

- Quảng cáo trên khu vực sân khấu không bảo đảm mỹ quan và che khuất tầm nhìn của người xem;

- Quảng cáo trong sân vận động, nhà thi đấu và các địa điểm diễn ra hoạt động thể dục thể thao mà che khuất Quốc kỳ, Quốc huy, ảnh lãnh tụ, bảng hướng dẫn chuyên môn và tầm nhìn của khán giả;

- Quảng cáo trong sân vận động, nhà thi đấu gây cản trở hoạt động tập luyện, thi đấu, biểu diễn của vận động viên, việc chỉ đạo của huấn luyện viên và việc thực hiện nhiệm vụ của Ban tổ chức, trọng tài, nhân viên hướng dẫn, nhân viên y tế, người phục vụ.

Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo vi phạm.

**Câu 85. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi vi phạm quy định về tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo được xử lý theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo của đoàn người thực hiện quảng cáo không đúng với thông báo đã gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

 + Quảng cáo của đoàn người thực hiện quảng cáo mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi thực hiện quảng cáo chấp thuận sau khi thông báo nội dung quảng cáo.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo; thời gian và lộ trình thực hiện của đoàn người thực hiện quảng cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

**Câu 86: Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quy định về biển hiệu sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi vi phạm quy định về biển hiệu sẽ bị xử lý theo Điều 48 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Không thể hiện đầy đủ trên biển hiệu tên cơ quan chủ quản trực tiếp; tên cơ sở sản xuất kinh doanh theo đúng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; địa chỉ, điện thoại;

 + Sử dụng biển hiệu có kích thước không đúng theo quy định.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ tên gọi bằng tiếng Việt trên biển hiệu;

 + Không viết bằng chữ tiếng Việt mà chỉ viết bằng chữ tiếng nước ngoài trên biển hiệu;

 + Thể hiện tên riêng, tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế bằng chữ tiếng nước ngoài ở phía trên tên bằng chữ tiếng Việt trên biển hiệu;

 + Thể hiện tên gọi, tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế bằng chữ tiếng nước ngoài có khổ chữ quá ba phần tư khổ chữ tiếng Việt trên biển hiệu;

 + Chiều cao của biển hiệu dọc vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển hiệu.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu che chắn không gian thoát hiểm, cứu hỏa;

 + Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu lấn ra vỉa hè, lòng đường, ảnh hưởng đến giao thông công cộng;

 + Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu làm mất mỹ quan.

Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc tháo dỡ biển hiệu vi phạm.

**Câu 87. Công ty X là công ty hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm. Sắp tới, công ty X sắp ra mắt một loại sản phẩm thực phẩm chức năng hỗ trợ chữa bệnh gan. Để đưa sản phẩm này ra thị trường, công ty X đã thuê công ty quảng cáo A xây dựng một chương trình quảng cáo. Sau khi công ty A hoàn thành được nội dung quảng cáo, công ty X có được phép thực hiện quảng cáo ngay sản phẩm này hay không? Trường hợp công ty X thực hiện quảng cáo sản phẩm ngay thì có vi phạm pháp luật hay không. Nếu có thì mức xử phạt đối với hành vi này sẽ như thế nào?**

*Trả lời*

Khoản 12 Điều 2 Luật Quảng cáo quy định các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và môi trường sẽ được coi là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt. Do đó, sản phẩm thực phẩm chức năng hỗ trợ chữa bệnh gan của công ty X sẽ được coi là sản phẩm đặc biệt do liên quan đến sức khỏe con người.

Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 49 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì việc quảng cảo đố với sản phẩm đặc biệt phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nội dung trước khi thực hiện quảng cáo theo quy định. Trường hợp công ty X thực hiện quảng cáo sản phẩm ngay mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về nội dung thì sẽ bị coi là hành vi vi phạm pháp luật. Khi đó, mức xử phạt đối với hành vi này là phạt tiền từ  20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Ngoài ra, công ty X bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc buộc thu hồi xuất bản phẩm, tạp chí in quảng cáo sản phẩm thực phẩm chức năng vi phạm.

**Câu 88. Theo quy định của pháp luật, những nội dung nào khi quảng cáo thuốc bị thiếu sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng?**

*Trả lời*

Căn cứ khoản 2 Điều 50 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì khi quảng cáo thuốc thiếu một trong các nội dung sau đây thì sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng:

- Tên thuốc;

- Tên hoạt chất trừ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền;

- Chỉ định, trừ các chỉ định điều trị bệnh lao, bệnh phong, bệnh lây qua đường tình dục, bệnh ung thư, bệnh khối u, bệnh đái tháo đường hoặc bệnh rối loạn chuyển hóa tương tự, chứng mất ngủ kinh niên và chỉ định mang tính kích dục;

- Chống chỉ định hoặc khuyến cáo cho các đối tượng đặc biệt như người có thai, người đang cho con bú, người già, trẻ em, người mắc bệnh mãn tính;

- Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường;

- Khuyến cáo “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”.

**Câu 89. Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo mỹ phẩm sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo mỹ phẩm sẽ bị xử lý theo Điều 51 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo mỹ phẩm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy tiếp nhận nhưng khi quảng cáo ở địa phương khác mà không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi quảng cáo biết.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đọc rõ ràng một trong các thông tin: tên mỹ phẩm, tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường và các cảnh báo theo quy định khi quảng cáo trên báo nói, báo hình.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo mỹ phẩm có tác dụng không phù hợp với công bố tính năng sản phẩm mỹ phẩm. Ngoài phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc cải chính thông tin đối với sản phẩm và buộc tháo gỡ, tháo dỡ, sản phẩm quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo;

 + Quảng cáo mỹ phẩm chưa được cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm hoặc số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm hết thời hạn. Ngoài phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, sản phẩm quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo

 + Quảng cáo mỹ phẩm thiếu một trong các nội dung sau: tên mỹ phẩm; tính năng, công dụng chủ yếu của mỹ phẩm trừ trường hợp tính năng, công dụng đã được thể hiện trên tên của sản phẩm; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường; các cảnh báo theo quy định. Ngoài phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc cải chính thông tin đối với sản phẩm; buộc tháo gỡ, tháo dỡ, sản phẩm quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo mỹ phẩm có tác dụng như thuốc gây hiểu nhầm sản phẩm đó là thuốc. Ngoài phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc cải chính thông tin đối với sản phẩm; bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, sản phẩm quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo.

**Câu 90. Theo quy định của pháp luật, khi quảng cáo thực phẩm chức năng nội dung khuyến cáo nào bắt buộc phải ghi đúng quy định?**

*Trả lời*

Căn cứ theo khoản 1 Điều 52 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP thì khi quảng cáo thực phẩm chức năng trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử phải ghi đúng quy định dòng chữ và đọc rõ ràng nội dung khuyến cáo “Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh”. Trường hợp không ghi đúng quy định và không đọc hoặc đọc không rõ ràng thì chủ thể vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng,

**Câu 91. Theo quy định của pháp luât, hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế sẽ bị xử lý như thế nào?**

*Trả lời*

Căn cứ Điều 53 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế sẽ bị xử lý như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

 + Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế có nội dung không phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

 + Quảng cáo đối với hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế không đúng theo nội dung giấy xác nhận quảng cáo do Bộ Y tế cấp.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thiếu một trong các nội dung sau đây:

 + Tên hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế;

 + Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường;

 + Tính năng, công dụng;

 + Lời khuyến cáo: “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng” hoặc “Hạn chế phạm vi sử dụng đối với các sản phẩm có sử dụng hóa chất trong Danh mục hạn chế sử dụng”.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hoặc phát hành quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa có số đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp.

Ngoài bị phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo khi vi phạm các nội dung nêu trên.

**Câu 92. Công ty M kinh doanh sản phẩm sữa cho trẻ nhỏ. Sau thời gian hơn 01 năm đi vào hoạt động, doanh thu của công ty M đã phát triển vượt kì vọng và quyết định thực hiện chiến lược quảng cáo, truyền thông trên một số kênh của Đài truyền hình Việt Nam về thức ăn bổ sung cho trẻ dưới 24 tháng tuổi. Theo đó, phần đầu của quảng cáo và nội dung quảng cáo có nội dung khuyến cáo: “Sản phẩm này là thức ăn cho trẻ dưới 24 tháng tuổi". Xin hỏi công ty M có vi phạm quy định của pháp luật về quảng cáo hay không?**

*Trả lời*

Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi mà không bảo đảm một trong các yêu cầu sau đây:

- Phần đầu của quảng cáo phải có nội dung: "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ";

- Nội dung quảng cáo phải nêu rõ “Sản phẩm này là thức ăn bổ sung và được ăn thêm cùng với sữa mẹ dùng cho trẻ trên 06 tháng tuổi”.

Như vậy, nội dung quảng cáo của Công ty M nêu trên không bảo đảm các yêu cầu về nội dung quảng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Công ty M có thể bị cơ quan, người có thẩm quyền phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty M buộc phải loại bỏ nội dung vi phạm ra khỏi sản phẩm quảng cáo theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 55 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP.

**Câu 93.** **Phòng khám tư nhân của Bác sỹ K hay đưa tin quảng cáo trên mạng xã hội Facebook và Youtobe: “Chẩn đoán, lựa chọn giới tính phôi, thai nhi chính xác 100%”. Nhờ có tác dụng của truyền thông nên phòng khám này đã thu hút rất nhiều cặp vợ chồng ở các địa phương khác đến khám. Xin hỏi, Phòng khám tư nhân của Bác sỹ M có vi phạm quy định của pháp luật về quảng cáo hay không?**

*Trả lời*

Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo việc chẩn đoán, lựa chọn giới tính phôi, thai nhi;

- Quảng cáo, môi giới việc hiến, nhận bộ phận cơ thể người vì mục đích thương mại.

Như vậy, Phòng khám tư nhân của Bác sỹ K đã có hành vi vi phạm pháp luật trong quảng cáo việc chẩn đoán, lựa chọn giới tính phôi, thai nhi, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị cơ quan, người có thẩm quyền Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Đồng thời, bị tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng; buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo nêu trên.

**Câu 94. Pháp luật quy định như thế nào đối với các hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trang thiết bị y tế?**

*Trả lời*

Điều 54 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo (sau đây gọi là Nghị định số 38/2021/NĐ-CP) quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo trang thiết bị y tế có nội dung không phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc Giấy phép nhập khẩu do cơ quan nhà n ước có thẩm quyền cấp;

- Thông tin không kịp thời tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khách hàng về các cảnh báo liên quan đến sự cố, tác dụng không mong muốn của trang thiết bị y tế.

(ii) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo không đúng với tính năng, tác dụng của trang thiết bị y tế;

- Giấu giếm các cảnh báo liên quan đến sự cố, tác dụng không mong muốn của trang thiết bị y tế;

- Quảng cáo mà thiếu tên, chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất trang thiết bị y tế hoặc tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường và tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm bảo hành sản phẩm.

(iii) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc cải chính công khai đối với hành vi sau đây:

+ Quảng cáo không đúng với tính năng, tác dụng của trang thiết bị y tế;

+ Giấu giếm các cảnh báo liên quan đến sự cố, tác dụng không mong muốn của trang thiết bị y tế.

- Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại mục (i) và (ii) nêu trên.

**Câu 95. Pháp luật quy định như thế nào đối với các hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật?**

*Trả lời*

Điều 57 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

- Quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật không phù hợp với Giấy phép kiểm dịch thực vật.

(ii) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam:

- Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật thiếu một trong các nội dung: tên sản phẩm; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường; tính năng, tác dụng và những điều cần lưu ý khi sử dụng, bảo quản.

(iii) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(iv) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

- Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại các mục (i), (ii) và (iii) nêu trên.

**Câu 96.** **Anh A đã mở một cửa hàng kinh doanh về thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được hơn 2 tháng. Để tăng lượng khách hàng, anh A quyết định quảng cáo cho mặt hàng của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng. Để tránh vi phạm các quy định của pháp luật về quảng cáo do thiếu hiểu biết, anh A muốn hỏi pháp luật quy định như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định về quảng cáo thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y?**

*Trả lời*

Điều 58 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc thú y không đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành.

(ii) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc thú y khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận lưu hành.

(iii) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại mục (i) nêu trên;

- Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại mục (i) và mục (ii) nêu trên.

**Câu 97.** **Pháp luật quy định như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định về quảng cáo phân bón?**

*Trả lời*

Điều 59 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón không đúng với nội dung ghi trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

(ii) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón mà thiếu một trong các nội dung sau đây:

- Tên phân bón;

- Xuất xứ, nguyên liệu trong chế biến;

- Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

(iii) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.0000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón chưa có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

(iv) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại mục (i) và mục (ii) nêu trên;

- Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại mục (i), mục (ii) và mục (iii) nêu trên.

**Câu 98.** **Pháp luật quy định như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định về quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, chất cải tạo môi trường chăn nuôi, chất cải tạo môi trường thủy sản?**

*Trả lời*

Điều 60 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo sai sự thật về bản chất, công dụng, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, chất cải tạo môi trường chăn nuôi, chất cải tạo môi trường thủy sản.

(ii) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại mục (i);

- Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại mục (i) nêu trên.

**Câu 99.** **Pháp luật quy định như thế nào đối với hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo giống cây trồng?**

*Trả lời*

Điều 61 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính khi chưa tự công bố lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa có Quyết định công nhận lưu hành hoặc chưa có Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng;

- Quảng cáo giống cây trồng nhập khẩu với mục đích triển lãm, hội chợ không đúng theo nội dung giấy phép nhập khẩu giống cây trồng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Quảng cáo giống cây trồng không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh của tổ chức, cá nhân kinh doanh giống (số lượng, chất lượng, giá bán), nội dung ghi trên nhãn, nhãn hiệu.

(ii) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Quảng cáo giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính không có Quyết định công nhận lưu hành hoặc không có Quyết định công nhận lưu hành đặc cách hoặc không có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam hoặc Quyết định công nhận giống cây trồng mới;

- Quảng cáo giống cây trồng không có một trong các nội dung: tên giống cây trồng; xuất xứ giống cây trồng; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa giống ra thị trường;

- Nội dung quảng cáo giống cây trồng không đúng với nội dung trong Quyết định công nhận lưu hành, Quyết định công nhận lưu hành đặc cách, bản công bố các thông tin về giống cây trồng tự công bố lưu hành.

(iii) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại mục (i) nêu trên;

- Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại mục (i) và mục (ii) nêu trên.

**Câu 100.** **Pháp luật quy định như thế nào đối với hành vi vi phạm các quy định về quảng cáo giống vật nuôi, giống thủy sản?**

*Trả lời*

Điều 62 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP quy định như sau:

(i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo giống vật nuôi, giống thủy sản không có một trong các nội dung: tên giống vật nuôi, giống thủy sản; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa giống vật nuôi, giống thủy sản ra thị trường.

(ii) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm in, tạp chí in quảng cáo đối với hành vi quy định tại mục (i) nêu trên.